

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 844/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” đối với:

Người yêu cầu:

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977; địa chỉ: Số L, khu phố 4, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Công T, sinh năm 1968; địa chỉ: Số L, khu phố 4, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: L1, Khu phố 4, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16/01/2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16/01/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977; địa chỉ: Số L, khu phố 4, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Công T, sinh năm 1968; địa chỉ: Số L, khu phố 4, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: L1, Khu phố 4, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Công T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 21/02/1999 không còn giá trị pháp lý).

2.2 Về quan hệ con chung:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Công T có 02 người con chung, họ tên là Trần Nguyễn Thủy T1 (nữ), sinh ngày 30/12/2000 và Trần Nguyễn Thanh T2 (nữ), sinh ngày 17/6/2009.

Giao trẻ Trần Nguyễn Thủy T1 và Trần Nguyễn Thanh T2 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Công T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Cấp dưỡng vào ngày 01 đến ngày 05 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng vào tháng 02 năm 2018 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông T phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ông T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2.4 Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Công T chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn)

đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2017/0024955 ngày 26/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Công T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- UBND nơi đã đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc San Hà